

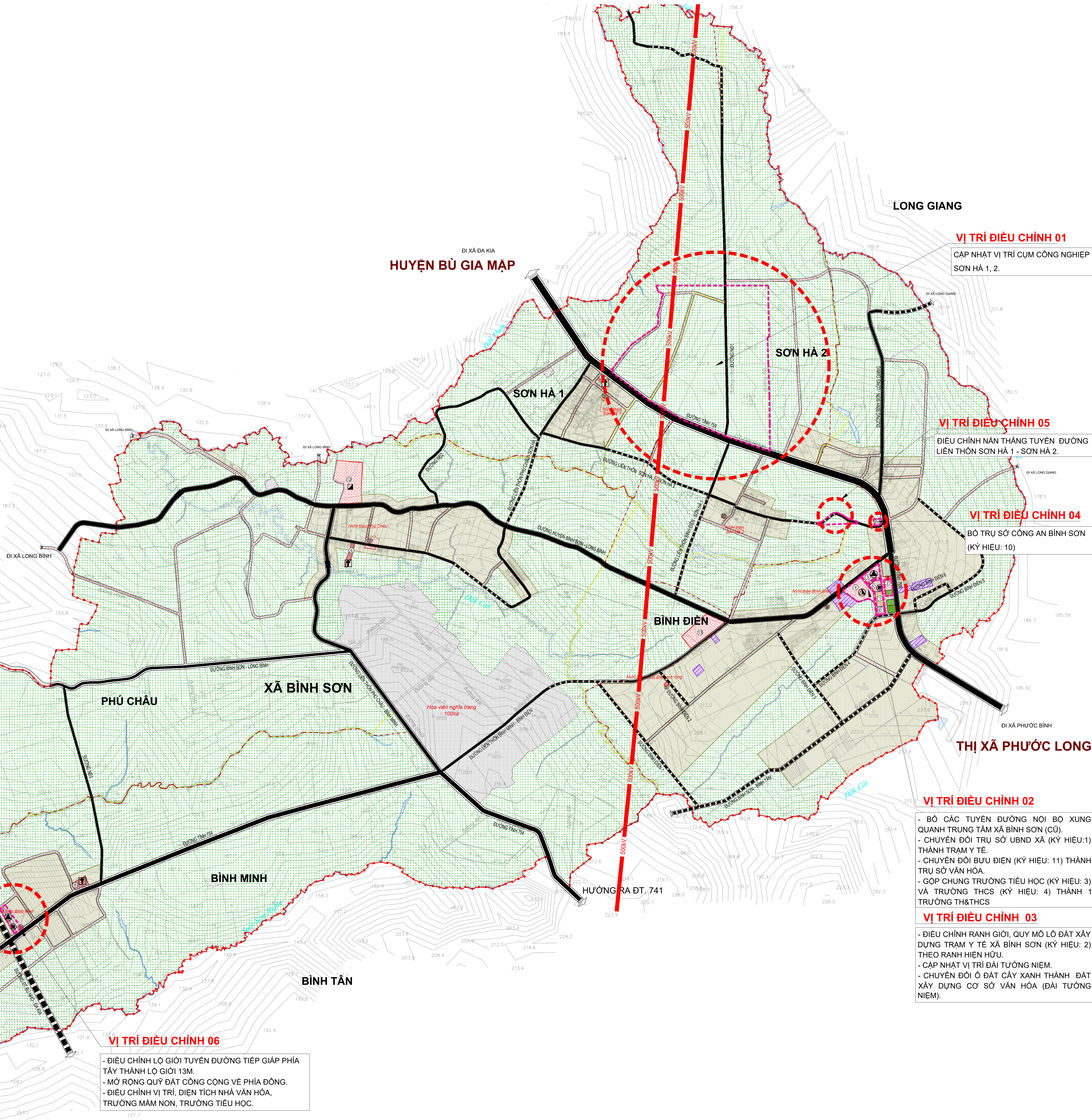
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ BÌNH SƠN, HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC (CŨ) ĐẾN NĂM 2035

ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH, THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

VỊ TRÍ ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT PHÊ DUYỆT

BẢNG THÔNG KÊ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐƯỢC DUYỆT

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	NĂM 2030		NĂM 2035	
		DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)
I	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	2.117,71	84,41	2.081,11	82,96
1	Đất sản xuất nông nghiệp	2.117,71	84,41	2.081,11	82,96
	Đất trồng cây hàng năm	0,00	0,00	0,00	0,00
	Đất trồng lúa	0,00	0,00	0,00	0,00
	Đất trồng cây hàng năm khác	0,00	0,00	0,00	0,00
	Đất trồng cây lâu năm	2.117,71	84,41	2.081,11	82,96
2	Đất lâm nghiệp	0,00	0,00	0,00	0,00
	Đất rừng sản xuất	0,00	0,00	0,00	0,00
	Đất rừng phòng hộ	0,00	0,00	0,00	0,00
	Đất rừng đặc dụng	0,00	0,00	0,00	0,00
3	Đất nuôi trồng thủy sản	0,00	0,00	0,00	0,00
4	Đất làm muối	0,00	0,00	0,00	0,00
5	Đất nông nghiệp khác	0,00	0,00	0,00	0,00
II	ĐẤT XÂY DỰNG	367,47	14,65	404,07	16,11
1	Đất ở nông thôn	40,67	1,62	51,46	2,05
2	Đất công cộng	6,90	0,28	6,90	0,28
	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,62	0,02	0,62	0,02
	Đất xây dựng cơ sở y tế	0,30	0,01	0,30	0,01
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	4,09	0,16	4,09	0,16
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	0,45	0,02	0,45	0,02
	Đất sinh hoạt cộng đồng	1,22	0,05	1,22	0,05
	Đất chợ	0,00	0,00	0,00	0,00
	Đất điểm bán điện, văn hóa xã	0,22	0,01	0,22	0,01
3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	6,87	0,27	7,39	0,29
	Đất cây xanh	1,96	0,08	2,48	0,10
	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	1,57	0,06	1,57	0,06
	Đất vui chơi, giải trí công cộng	3,34	0,13	3,34	0,13
4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	4,31	0,17	4,31	0,17
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,00	0,00	0,00	0,00
	Đất danh lam thắng cảnh	0,00	0,00	0,00	0,00
	Đất cơ sở tôn giáo	4,31	0,17	4,31	0,17
	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,00	0,00	0,00	0,00
5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	37,60	1,50	37,60	1,50
	Đất cụm công nghiệp	0,00	0,00	0,00	0,00
	Đất khu công nghiệp	0,00	0,00	0,00	0,00
	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	37,60	1,50	37,60	1,50
6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	0,00	0,00	0,00	0,00
7	Đất xây dựng các chức năng khác	44,21	1,76	44,21	1,76
	Đất thương mại, dịch vụ	44,21	1,76	44,21	1,76
8	Đất hạ tầng kỹ thuật	213,68	8,52	238,97	9,53
	Đất giao thông	103,71	4,13	129,00	5,14
	Đất xử lý chất thải rắn	0,00	0,00	0,00	0,00
	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	109,97	4,38	109,97	4,38
	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,00	0,00	0,00	0,00
	Đất công trình năng lượng	0,00	0,00	0,00	0,00
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	0,00	0,00	0,00	0,00
9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	12,93	0,52	12,93	0,52
	Đất thủy lợi	12,93	0,52	12,93	0,52
	Đất phi nông nghiệp khác	0,00	0,00	0,00	0,00
10	Đất quốc phòng, an ninh	0,30	0,01	0,30	0,01
	Đất quốc phòng	0,00	0,00	0,00	0,00
	Đất an ninh	0,30	0,01	0,30	0,01
III	ĐẤT KHÁC	23,53	0,94	23,53	0,94
1	Đất sông ngòi, kênh rạch, mặt nước chuyên dùng	23,53	0,00	23,53	0,00
	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	0,00	0,00	0,00	0,00
	Đất có mặt nước chuyên dùng	0,00	0,00	0,00	0,00
2	Đất chưa sử dụng	0,00	0,00	0,00	0,00
	TỔNG CỘNG	2.508,71	100,00	2.508,71	100,00



GHI CHÚ:		Các giai đoạn quy hoạch		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy hoạch	
STT	Tên ký hiệu	Năm 2030	Năm 2035	
PHÂN HIỆN TRẠNG, SỬ DỤNG ĐẤT VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN SỐ AN QUY HOẠCH XÂY DỰNG CHUNG XÃ				
I	Đất nông nghiệp			
	- Đất trồng trọt khác			
	- Đất nuôi trồng thủy sản			
	- Đất nông nghiệp khác			
II	Đất xây dựng			
	- Đất ở			
	- Đất công cộng			
	- Đất cây xanh, thể dục thể thao			
	- Đất tôn giáo, danh lam di tích, đình đền			
	- Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề			
	- Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng			
	- Đất xây dựng các chức năng khác			
	- Đất hạ tầng kỹ thuật			
	- Đất xử lý chất thải rắn			
	- Đất nghĩa trang, nghĩa địa			
	- Đất hạ tầng kỹ thuật khác			
	- Đất hạ tầng phục vụ sản xuất			
	- Đất quốc phòng, an ninh			
III	Đất khác			
	- Đất sông ngòi, kênh rạch, mặt nước chuyên dùng			
	- Đất chưa sử dụng			

NHÓM ĐẤT/LOẠI ĐẤT	QUY HOẠCH		
	HIỆN TRẠNG	ĐÓT ĐÁU	ĐẠI HẠN
ĐƯỜNG TỈNH			
ĐƯỜNG HUYỆN			
ĐƯỜNG LIÊN KHU VỰC			
ĐƯỜNG CHÍNH KHU VỰC			

* Nét đứt: đường xây dựng mới
* Nét liền: đường hiện có mở rộng

- GHI CHÚ:
- ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
 - TRAM Y TẾ XÃ
 - TRƯỜNG TIỂU HỌC
 - TRƯỜNG THCS
 - TRƯỜNG MẦM GIÁO
 - CHÙA HẢI ĐỨC
 - CHÙA LONG SƠN
 - NHÓM HỘ TIN LÀNH SƯỜI MINH
 - GIÁO HỘ SƯỜI MINH
 - CÔNG AN
 - BƯU ĐIỆN
 - TRƯỜNG ĐẠY NGHỀ
 - KHU DỊCH VỤ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: NGÀY: THÁNG: NĂM 2026

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: NGÀY: THÁNG: NĂM 2026

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: NGÀY: THÁNG: NĂM 2026

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ BÌNH SƠN, HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC (CŨ) ĐẾN NĂM 2035

ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH, THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

TÊN BẢN VẼ:
VỊ TRÍ ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT PHÊ DUYỆT

BẢN VẼ: QH-01 GHÉP: 1x40 TỶ LỆ: FIT NGÀY:/...../2026

THIẾT KẾ: KTS. TRẦN QUỐC LUÂN

CHỦ TRÌ: KTS. ĐANG THỊ NGỌC DUY

CHỦ NHIỆM: KTS. NGUYỄN HOÀNG NHÂN

TRƯỞNG PHÒNG: KS. HỒ CÔNG QUÂN

QL.KỸ THUẬT: KS. HỒ CÔNG QUÂN

GIÁM ĐỐC:

KTS. NGUYỄN HOÀNG NHÂN

C.TY TNHH KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG FACOM

ĐỊA CHỈ: Đ. NGUYỄN THỊ MINH KHAI, P. BÌNH PHƯỚC, TP. ĐỒNG NAI

ĐIỆN THOẠI: 02716 500005 EMAIL: KIENTRUC.FACOM@GMAIL.COM